

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH PHÚ  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-5-2022.

V/v “Ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tơ

*Các hội thẩm nhân dân:*

- Ông Huỳnh Ngọc Sơn

- Ông Trần Hữu Chí

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trương Nguyễn Nhứt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- N đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1991, địa chỉ: 127/2 ấp AK, xã T, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

- Bị đơn: anh Trương Thái N, sinh năm 1986; Địa chỉ: 127/2 ấp AK, xã T, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng N đơn Lê Thị H trình bày:*

Chị và anh N tiến tới hôn nhân là do quen biết, có tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới sau đó đăng ký kết hôn tại UBND xã An Thuận, huyện Thanh Phú vào năm 2010. Kết hôn xong chị và anh N xây nhà ra sống riêng. Cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc một thời gian có với nhau 02 con chung. Tuy nhiên khoảng thời gian sau này vợ chồng chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, anh N không lo làm ăn, chị nhiều lần

khuyên nhủ nhưng không được. Ngoài ra chị còn có mâu thuẫn với gia đình bên chồng nhưng không thể giải hòa được, vợ chồng chị có cãi nhau và trong lúc cãi nhau anh N có đánh chị 01 lần, chị đã không còn sống chung với anh N từ tháng 9/2020 cho đến nay. Từ khi không còn sống chung thì anh N có khuyên nhủ chị, yêu cầu chị hàn gắn tình cảm nhưng chị không cho anh N cơ hội hàn gắn vì mâu thuẫn giữa chị và anh N đã đến mức trầm trọng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng dành cho anh N không còn, mâu thuẫn đã xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Trương Thái N. Chị không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

-Về con chung: chị yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Trương Thanh Q và đồng ý giao con chung tên Trương Thế V cho anh N trực tiếp nuôi. Chị không cấp dưỡng và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung: anh chị có tài sản chung là 02 chiếc xe máy và có bỏ chi phí để xây dựng, sửa chữa nhà ở và xưởng hàn cho anh N nhưng chị không yêu cầu giải quyết.

-Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

*Theo nội dung bản khai ngày 24/02/2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn Trương Thái N trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Lê Thị H về quá trình tiến tới hôn nhân, kết hôn, anh và chị Hằng tiến tới hôn nhân là tự nguyện.

Kết hôn xong, anh và chị H cất nhà trên phần đất của cha mẹ anh và cuộc sống vợ chồng của anh và chị H có hạnh phúc.

Về mâu thuẫn giữa vợ chồng anh xảy ra là có, anh thừa nhận anh có đánh chị Hằng 01 lần như lời chị H trình bày, từ lần đánh này thì chị Hằng về nhà mẹ của Hằng sống và không còn sống chung với anh nữa. Chị Hằng cho rằng anh không lo làm ăn là không có, anh rất chí thú làm ăn để lo cho vợ con. Ngoài ra, vợ chồng anh có mâu thuẫn là do cha mẹ ruột và em gái anh có mâu thuẫn với chị Hằng trước đó, anh có khuyên nhủ gia đình anh và chị H nhưng không được. Anh có khuyên chị H để chị H hàn gắn tình cảm với anh nhưng không được. Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H thì anh không đồng ý do anh còn thương chị H, anh không muốn chia rẽ các con nên anh muốn hàn gắn tình cảm.

Nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị H ly hôn thì anh yêu cầu giải quyết như sau:

- Anh không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung: có 02 con chung Trương Thế V, sinh ngày 24/07/2009 và Trương Thanh Q, sinh ngày 05/6/2014, nguyện vọng của anh là được nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: anh chị có tài sản chung là 02 chiếc xe máy và có bỏ chi phí để xây dựng, sửa chữa nhà ở và xưởng hàn cho anh nhưng anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình tố tụng tại Tòa án N đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy: trong thời gian chung sống chị H, anh N đã phát sinh mâu thuẫn. Chị H và anh N đã không còn sống chung từ tháng 9/2020 cho đến nay. Mặc dù anh N không đồng ý ly hôn với chị H nhưng anh N không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị H và chị H cũng không đồng ý hàn gắn tình cảm với anh N. Do đó có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị H, anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 115 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. Đối với vấn đề con chung: xét thấy hiện nay chị H đang trực tiếp nuôi con chung tên Trương Thanh Q và anh Trương Thái N đang trực tiếp nuôi con chung tên Trương Thế V; anh N, chị H đều cung cấp xác nhận thu nhập để chứng minh khả năng kinh tế của bản thân nhưng nhìn chung điều kiện nuôi con của anh chị vẫn còn khó khăn. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án cháu Quan trình bày nguyện vọng là muốn sống chung với chị H và cháu V có nguyện vọng sống chung với anh N. Do đó nhằm đảm bảo cuộc sống ổn định về thể chất và tinh thần cho các cháu nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn về vấn đề con chung: chị H được trực tiếp nuôi con chung tên Trương Thanh Q và anh Trương Thái N được trực tiếp tiếp nuôi con chung tên Trương Thế V; do anh N và chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: anh Trương Thái N có sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại 127/2 ấp AK, xã T, huyện P, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: chị Lê Thị H và anh Trương Thái N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã An Thuận và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/12/2010. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị H và anh N được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. N nhân chị H xin ly hôn với anh N là do anh chị phát sinh mâu thuẫn, tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, anh N không lo làm ăn, chị H nhiều lần khuyên nhủ nhưng không được. Ngoài ra chị còn có mâu thuẫn với gia đình bên chồng nhưng không thể giải hòa được, vợ chồng chị có cãi nhau và trong lúc cãi nhau anh N có đánh chị 01 lần nên chị đã không còn sống chung với anh N từ tháng 9/2020 cho đến nay. Từ khi không còn sống chung thì anh N có khuyên nhủ chị, yêu cầu chị hàn gắn tình cảm nhưng chị không cho anh N cơ hội hàn gắn vì mâu thuẫn giữa chị và anh N đã đến mức trầm trọng.

Anh N thừa nhận mâu thuẫn giữa vợ chồng anh xảy ra là có, anh thừa nhận có đánh chị Hằng 01 lần như lời chị H trình bày, từ lần đánh này thì chị Hằng về nhà mẹ của Hằng sống và không còn sống chung với anh nữa. Chị H cho rằng anh không lo làm ăn là không có, anh rất chí thú làm ăn để lo cho vợ con. Ngoài ra, vợ chồng anh có mâu thuẫn là do cha mẹ ruột và em gái anh có mâu thuẫn với chị Hằng trước đó, anh có khuyên nhủ gia đình anh và chị H nhưng không được. Anh có khuyên chị H hàn gắn tình cảm với anh nhưng chị H không đồng ý. Hiện chị H và anh N đã sống ly thân từ tháng 9/2020 cho đến nay. Xét thấy: Hiện nay chị H và anh N không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Mặc dù trong quá trình tố tụng tại Tòa án anh N không đồng ý ly hôn với chị H nhưng anh N không đưa ra được các biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị H và chị H không đồng ý hàn gắn tình cảm với anh N. Từ những cơ sở nêu trên có đủ căn cứ kết luận tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị H và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp.

[4] Về con chung: chị Lê Thị H và anh Trương Thái N có 02 con chung tên Trương Thế V, sinh ngày 24/7/2009 và Trương Thanh Q, sinh ngày 05/6/2014; khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Trương Thanh Q, sinh ngày 05/6/2014 và chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Chị đồng ý giao con chung tên Trương Thế V, sinh ngày 24/7/2009 cho anh N trực tiếp nuôi và chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy hiện nay con chung Trương Thế V có nguyện vọng sống chung với anh N; con chung tên Trương Thanh Q có nguyện vọng sống chung với chị H và nguyện vọng của 02 con chung là tự nguyện và không bị ai ép buộc. Trong quá trình giải quyết vụ án anh N và chị H đều có cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án là xác nhận thu nhập của các bên. Mặc dù anh chị đang làm thuê và kinh tế chưa ổn định

nhưng Hội đồng xét xử nhận thấy con chung Trương Thế V và Trương Thanh Q đều được anh N và chị H chăm sóc tốt và có sự phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần. Lễ đó nhằm đảm bảo cho điều kiện phát triển ổn định về thể chất và tinh thần cho 02 con chung nên cần giao con chung Trương Thế V cho anh Trương Thái N trực tiếp nuôi và giao con chung tên Trương Thanh Q cho chị H trực tiếp nuôi là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Do chị H, anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chị Lê Thị H và anh Trương Thái N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị Lê Thị H và anh Trương Thái N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Do chị Lê Thị H và anh Trương Thái N không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: chị H và anh N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: chị H và anh N trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Chị Lê Thị H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 227, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Thị H. Chị Lê Thị H được ly hôn với anh Trương Thái N. Chị Lê Thị H và anh Trương Thái N không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung: Chị Lê Thị H được trực tiếp nuôi con chung tên Trương Thanh Q, sinh ngày 05/6/2014; anh Trương Thái N được trực tiếp nuôi con chung tên Trương Thế V, sinh ngày 24/7/2009. Do chị Lê Thị H và anh Trương Thái N không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Chị Lê Thị H và anh Trương Thái N có quyền thăm con, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị Lê Thị H và anh Trương Thái N có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng

nuôi con chung; chị Lê Thị H và anh Trương Thái N có thể yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: chị H và anh N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: chị H và anh N trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Chị Lê Thị H phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004391 ngày 14/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú và đã nộp xong.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã An Thuận;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Tơ**







